

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH TUY PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: **37/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/9/2019
V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Minh
2. Bà Trần Thị Ngọc Linh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2019/QĐST- HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Lê Thị H**, sinh năm 1974

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1966

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29/5/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: bà và ông Nguyễn Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1993 trên

cơ sở tình yêu tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình có gặp mặt nhau nhưng không tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng bà, vợ chồng bà có đến UBND thị trấn L để đăng ký kết hôn.

Sau khi cưới, vợ chồng bà ở nhờ nhà của hai bên gia đình đến năm 1996 vợ chồng xây dựng nhà riêng tại khu phố 01, thị trấn L, huyện T.

Cuộc sống chung của vợ chồng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, bà nói thì ông Đ bỏ cô này lại quen cô khác, vì các con bà cố gắng chịu đựng.

Tháng 09/2017 biết ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi mà còn đánh đập bà, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Đ hiện đang sống với người phụ nữ đó lâu lâu mới về nhà.

Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: vợ chồng bà có 03 con chung:

Nguyễn Văn Hi – sinh năm 1994;

Nguyễn Thành Tr – sinh năm 1999;

Nguyễn Trọng N – sinh năm 2005.

Hiện cháu Hi và cháu Tr đã trưởng thành, cháu N đang ở với bà, bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Trọng N – sinh ngày 24/12/2005 đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong thì:

Về hôn nhân: ông Đ đồng ý ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: ông yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Trọng N – sinh ngày 24/12/ 2005 đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì theo ông hiện cháu N đang ở với ông.

Về tài sản chung: để lại cho các con.

Về nợ chung: không có.

Ông Đ không đồng ý nhận thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong và không hợp tác để Tòa án ghi lời khai của ông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ hiện có mặt tại địa phương nhưng ông Đ không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông Đ vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 16/8/2019. Tại phiên Tòa hôm nay ông Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do nên HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: quá trình, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Đ không đồng ý nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, không đến Tòa và hợp tác để Tòa đề ghi lời khai của ông. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng Đ, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn Đ, do ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn Đ được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông Đ thường xuyên có quan hệ với người phụ nữ khác, bà đã khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi và còn đánh đập bà. Ông Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà.

Xét thấy ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu ly hôn của bà

H là có cơ sở nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho bà H được ly hôn với ông Đ.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung

Nguyễn Văn Hi – sinh năm 1994;

Nguyễn Thành Tr – sinh năm 1999;

Nguyễn Trọng N – sinh năm 2005.

Hiện cháu Hi và cháu Tr đã trưởng thành, cháu N đang ở với bà H, bà H yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục Nguyễn Trọng N – sinh ngày 24/12/ 2005 đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Trọng N về nguyện vọng của cháu N thì ý kiến của cháu là xin được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N trên 7 tuổi nên việc giao cháu cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến ý kiến của cháu, nên giao cho bà H là người tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cháu N đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

3/ Về con chung: Giao cho bà Lê Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Trọng N – sinh ngày 24/12/ 2005 cho đến khi con trưởng thành và bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không được cản trở ông Đ việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp **300.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà H đã nộp **300.000 đồng** tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0026184 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà H đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND tt Liên Hương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Nữ Kiều Oanh